

# ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP TIẾP CẬN LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG QUA DI SẢN VĂN HÓA CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH BẾN TRE

Hồ Thị Thanh Tâm<sup>+</sup>,  
Nguyễn Mai Hà,  
Phan Thị Kim Uyên,  
Trần Ngọc Ánh Dương,  
Hồ Thị Phi Yến

Trường Trung học phổ thông Phan Văn Trị, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre  
<sup>+</sup>Tác giả liên hệ • Email: thanhtamho2783@gmail.com

## Article history

Received: 07/12/2023

Accepted: 30/12/2023

Published: 20/02/2024

## Keywords

Local history, cultural heritage, access local history, history education, high school education, Ben Tre Province

## ABSTRACT

Vietnamese cultural heritage is a valuable asset of the Vietnamese ethnic community, and a part of humanity's cultural heritage. Local cultural heritage is spiritual and material products with historical and cultural values that are passed down from generation to generation in each locality. Allowing students to access local history through cultural heritage offers a deep understanding of local history, educating them about the tradition of patriotism, the spirit of national pride and a sense of appreciating, preserving and promoting cultural values. The article analyzed the current situation of exploring local history through cultural heritage based on the survey results with 370 students in a number of high schools in Ben Tre province. It is shown that the students did not know much about cultural heritage in their locality. Accordingly, the author recommends five main measures to help students access local history through cultural heritage. This is a useful document that makes an important contribution to preserving and promoting cultural heritage in Ben Tre province today.

## 1. Mở đầu

Di sản văn hóa (DSVH) là nguồn tài nguyên tri thức phong phú, là tài sản có giá trị giáo dục truyền thống, giáo dục nhân cách cho thế hệ trẻ. Lịch sử địa phương (LSDP) là một bộ phận cấu thành nên lịch sử dân tộc, việc cung cấp những kiến thức LSDP qua DSVH giúp HS tạo những biểu tượng sinh động, cụ thể về các sự kiện lịch sử, bổ sung cho các kiến thức lịch sử dân tộc; đồng thời, giáo dục tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào về truyền thống tốt đẹp của quê hương. Hiểu được điều đó, Bộ GD-ĐT đã phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Công văn số 73/HD-BGDĐT-BVHTTDL về việc Hướng dẫn sử dụng DSVH trong dạy học ở trường phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên nhằm mục đích “*hình thành và nâng cao ý thức tôn trọng, giữ gìn, phát huy những giá trị DSVH*” (Bộ GD-ĐT - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2013). Trên cơ sở đó, các nghiên cứu của Phạm Văn Mạo (2017), Nguyễn Đức Toàn (2018), Dương Quỳnh Phương và Đỗ Văn Hào (2019), Huỳnh Mộng Tuyên (2020) đã đề cập đến lồng ghép giáo dục di sản vào các hoạt động giáo dục LSDP cho HS trong trường học.

Bến Tre là một vùng đất có bề dày lịch sử với hệ thống các DSVH đa dạng và phong phú. Bên cạnh đó, các công trình nghiên cứu về văn hóa, lịch sử, con người Bến Tre như “Địa chí Bến Tre” (Thạch Phương, Đoàn Tú, 2001), “Di sản văn hóa Bến Tre” (Lu Hội, 2009), “Văn hóa Bến Tre” (Nguyễn Chí Bền, 2014), “Người Bến Tre” (Lê Minh Quốc, 2020), “Văn hóa Bến Tre những góc nhìn” (Nguyễn Quang Trị, 2023),... là nguồn tài liệu quý giá giúp cho việc tiếp cận LSDP qua DSVH đối với HS được dễ dàng hơn.

Bài báo tiến hành khảo sát thực trạng nhận thức của HS về việc tiếp cận LSDP qua DSVH trong các hoạt động giáo dục trong nhà trường, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp để HS THPT tỉnh Bến Tre được tiếp cận LSDP qua DSVH nhằm giúp HS nhận thức được giá trị của các di sản xung quanh, từ đó nâng cao ý thức về trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị DSVH tại địa phương.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Quan niệm về tiếp cận lịch sử địa phương qua di sản văn hóa

LSDP là một bộ phận hữu cơ của lịch sử dân tộc, bất cứ một sự kiện nào của lịch sử dân tộc đều diễn ra ở một địa phương cụ thể với thời gian, không gian nhất định (Đại Khải, 2018).

DSVH bao gồm DSVH phi vật thể và DSVH vật thể, là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Văn phòng Quốc hội, 2013). Theo Nguyễn Thị Vân (2018), DSVH tại địa phương là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác tại mỗi địa phương, do cộng đồng các dân tộc từng cư trú, sinh sống ở đây sáng tạo ra. DSVH tại mỗi địa phương phản ánh những nét riêng của địa phương nhưng là một bộ phận của DSVH dân tộc, phản ánh những giá trị lịch sử - văn hóa chung của dân tộc.

Từ các khái niệm trên, nhóm tác giả đưa ra quan niệm về tiếp cận LSĐP qua DSVH như sau: *Tiếp cận LSĐP qua DSVH là việc sử dụng các DSVH tại địa phương để cung cấp những kiến thức lịch sử cho HS trong các hoạt động học tập ở trường phổ thông nhằm mục đích giáo dục tình yêu quê hương, đất nước, nâng cao ý thức trách nhiệm đối với việc bảo tồn DSVH và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc.*

## 2.2. Khảo sát thực trạng tiếp cận lịch sử địa phương qua di sản văn hoá của học sinh trung học phổ thông tỉnh Bến Tre

### 2.2.1. Phương pháp khảo sát

Mẫu khảo sát chính thức được chọn dựa trên phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên 370 HS của 3 khối lớp 10, 11, 12 thuộc một số trường THPT trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Trong đó, có 135 HS khối 10 chiếm tỉ lệ 36,5%; 112 HS khối 11 chiếm tỉ lệ 30,3% và 123 HS nữ chiếm tỉ lệ 33,2%. Thời gian thực hiện khảo sát từ tháng 7/2023-10/2023.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp: (1) Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi: Bước 1. Thiết kế bảng hỏi với nội dung nhất định nhằm khảo sát thực trạng tiếp cận LSĐP qua DSVH của HS với mục đích nghiên cứu; Bước 2. Tác giả mời một số HS làm thử bảng hỏi để HS cho ý kiến phản hồi về ngôn ngữ sử dụng cho bảng hỏi có phù hợp hay không; Bước 3. Sử dụng phiếu khảo sát trực tuyến (Google Forms) để thu thập ý kiến của HS; (2) Phương pháp thống kê toán học: Sau khi tổng hợp kết quả, nhóm tác giả sử dụng phần mềm SPSS 26 để thống kê và xử lý số liệu đã thu thập từ việc khảo sát.

### 2.2.2. Kết quả khảo sát

Trước tiên, nhóm tác giả tiến hành khảo sát với câu hỏi “*Trong quá trình học tập ở trường, bạn có tiếp cận LSĐP qua DSVH bao giờ chưa?*”.

Kết quả cho thấy, mức độ được HS lựa chọn cao là “*Thỉnh thoảng*” với tỉ lệ 57,6% và “*Hiếm khi*” với tỉ lệ 25,7%. Hai mức độ “*Chưa bao giờ*” và “*Thường xuyên*” chiếm tỉ lệ rất thấp. Điều này chứng tỏ chưa được thường xuyên tiếp cận LSĐP qua DSVH trong quá trình học tập. Đây cũng là nguyên nhân chính của việc HS chưa nhận biết được nhiều DSVH ở Bến Tre.

Để đánh giá khách quan việc tiếp cận LSĐP qua DSVH của HS, nhóm tác giả tiến hành khảo sát với câu hỏi “*Bạn quan niệm như thế nào về việc tiếp cận LSĐP qua DSVH trong các hoạt động học tập ở trường phổ thông?*”. Kết quả khảo sát cho thấy, HS đánh giá hai mức độ “*Rất cần thiết*” và “*Cần thiết*” cao nhất chiếm tỉ lệ lần lượt là 40,5% và 48,1%. Điều này chứng tỏ đa số HS đều nhận thức được tầm quan trọng của việc tiếp cận LSĐP qua DSVH trong học tập ở trường phổ thông. Hai mức độ còn lại chiếm tỉ lệ rất nhỏ, không đáng kể.

Mức độ tổ chức các hoạt động giáo dục DSVH cho HS ở trường cũng là một yếu tố quan trọng cần được quan tâm, hiểu được điều đó, nhóm tác giả đã xây dựng câu hỏi “*Trong những hoạt động sau, trường bạn đang học đã tổ chức cho HS tham gia những hoạt động nào để góp phần giáo dục kiến thức di sản cho HS?*” và thu được kết quả ở bảng 1.

Kết quả bảng 1 cho thấy, HS đánh giá các hoạt động giúp HS tiếp cận qua DSVH trong trường phổ thông ở mức độ “*Hiếm khi*” (ĐTB=2,49). Trong đó, HS đánh giá các hoạt động “*Lồng ghép nội dung giáo dục DSVH trong sinh hoạt đầu tuần, sinh hoạt lớp cuối tuần*” (ĐTB=2,63); “*Tích hợp nội dung giáo dục DSVH vào các môn học*” (ĐTB=3,00) được tổ chức ở mức độ “*Thỉnh thoảng*”. Bên cạnh đó, các hoạt động được tổ chức với mức độ “*Hiếm khi*” lại chiếm nhiều hơn với 3 hoạt động. Từ những số liệu trên cho thấy việc tổ chức các hoạt động giúp HS tiếp cận LSĐP qua DSVH vẫn chưa được tổ chức thường xuyên.

Bảng 1. Mức độ tổ chức các hoạt động giáo dục DSVH cho HS

TT	Hoạt động	ĐTB	ĐLC
1	Hành trình về nguồn, tham quan, học tập ở các DSVH.	2,08	0,806
2	Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về các DSVH ở địa phương.	2,34	0,876
3	Tổ chức sinh hoạt chuyên đề về DSVH.	2,39	0,893
4	Lồng ghép nội dung giáo dục DSVH trong sinh hoạt đầu tuần, sinh hoạt lớp cuối tuần.	2,63	0,811
5	Tích hợp nội dung giáo dục DSVH vào các môn học.	3,00	0,847
<b>ĐTB chung và ĐLC</b>		<b>2,49</b>	<b>0,847</b>

(ĐTB: Điểm trung bình; ĐLC: Độ lệch chuẩn)

### **2.3. Đề xuất một số biện pháp tiếp cận lịch sử địa phương qua di sản văn hoá của học sinh trung học phổ thông tỉnh Bến Tre**

#### **2.3.1. Tổ chức cho học sinh tham quan, học tập tại các di sản văn hóa ở địa phương**

- *Mục tiêu:* giúp HS hình dung sâu sắc về quá khứ thông qua các biểu tượng lịch sử tại địa phương; mở rộng kiến thức đã học ở lớp; phát triển óc quan sát, liên hệ thực tế; giáo dục cho HS có thái độ đúng đắn trong việc bảo vệ DSVH; góp phần tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong cộng đồng về ý thức bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc.

- *Cách thức thực hiện:* (1) Xây dựng kế hoạch tổ chức, thiết kế các nhiệm vụ học tập cho HS trước khi thực địa; (2) Giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu tài liệu trước khi đi thực tế hoặc tổ chức ngoại khóa; (3) Tổ chức tham quan kết hợp học tập bằng cách đặt câu hỏi, kể chuyện lịch sử, tổ chức cuộc thi tìm hiểu kiến thức liên quan giữa các nhóm HS với nhau; (4) HS hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

#### **2.3.2. Tổ chức các cuộc thi thiết kế video, Infographic, báo tường, ... về các di sản văn hóa ở địa phương**

- *Mục tiêu:* Khai gợi vốn hiểu biết, kích thích hứng thú tham gia cuộc thi của HS; phát triển khả năng hợp tác, trình bày, tư duy lịch sử cho HS.

- *Cách thức thực hiện:* (1) Xây dựng kế hoạch tổ chức và thể lệ các cuộc thi cụ thể, rõ ràng, khả thi; (2) GV theo dõi, trợ giúp về chuyên môn cũng như hướng dẫn HS thiết kế các sản phẩm phù hợp với yêu cầu và thể lệ của cuộc thi; (3) HS hoàn thành và nộp về cho Ban tổ chức; (4) Trình bày sản phẩm lên trang Fanpage của Đoàn trường để HS của trường có thể xem.

#### **2.3.3. Tổ chức hội diễn văn nghệ, sân khấu hóa các sự kiện, nhân vật lịch sử gắn với các di tích lịch sử - văn hóa ở địa phương**

- *Mục tiêu:* Di tích lịch sử - văn hóa địa phương là nơi được dựng lên ghi nhớ những sự kiện, lưu giữ những kí ức về một nhân vật lịch sử. Đây chính là những bằng chứng lịch sử mà HS có thể tận mắt quan sát và cảm nhận những dấu ấn lịch sử mà không một phương tiện trực quan nào làm được. Vì vậy, các Di tích lịch sử - văn hóa tại địa phương cần được sử dụng hiệu quả trong việc hình thành biểu tượng lịch sử trong lòng mỗi HS.

- *Cách thức thực hiện:* Đoàn Thanh niên có thể phối hợp với các lực lượng trong và ngoài nhà trường tổ chức Hội diễn văn nghệ với đa dạng các thể loại như: Thi kể chuyện, diễn kịch (sân khấu hóa), hóa trang thể hiện phong cách nhân vật lịch sử tiêu biểu của địa phương, ...

#### **2.3.4. Lồng ghép giáo dục di sản văn hóa vào các hoạt động học tập ngoại khóa của học sinh**

- *Mục tiêu:* Hình thành chuỗi các vấn đề học tập cần giải quyết; khi giải quyết được các nhiệm vụ trong trò chơi sẽ tạo thành một nội dung hoàn chỉnh về LSĐP qua DSVH.

- *Cách thức thực hiện:* (1) Xây dựng và thiết kế các trò chơi học tập như: Nhận diện lịch sử, Mật mã ô chữ, Lật mảnh ghép tìm di sản, Đoán ý đồng đội, ...; (2) Tổ chức sưu tầm và kể chuyện về lịch sử qua DSVH.

#### **2.3.5. Tích hợp giáo dục di sản văn hóa cho học sinh qua các môn xã hội (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, ...)**

- *Mục tiêu:* GV bộ môn tăng cường dạy học theo hướng tích hợp, sử dụng DSVH vào trong quá trình dạy học thông qua việc xây dựng các dự án học tập giúp HS phát triển năng lực hệ thống hóa kiến thức, tăng khả năng tự nghiên cứu, củng cố và đào sâu kiến thức đã học; năng lực trình bày các sản phẩm học tập đa dạng; nâng cao năng lực làm việc hợp tác và cá nhân.

- *Cách thức thực hiện:* GV bộ môn có thể xây dựng nội dung giáo dục DSVH gắn với các dự án học tập cho HS. Để GV bộ môn có thể tích hợp DSVH trong dạy học bộ môn cho HS thì các nhà quản lí giáo dục cần quan tâm thực hiện: (1) Quan tâm chỉ đạo xây dựng chương trình, nội dung tích hợp; (2) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho những GV bộ môn dạy học tích hợp; (3) Quản lí chặt chẽ hoạt động dạy - học, đa dạng các hình thức giáo dục.

### **2.4. Khảo nghiệm về tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp**

Để tiến hành khảo nghiệm tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất, nhóm tác giả xây dựng phiếu trưng cầu ý kiến và khảo sát trên 370 HS theo hai tiêu chí: tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp giúp HS tiếp cận với LSĐP qua DSVH trong các hoạt động giáo dục ở trường phổ thông. Phiếu có 02 câu hỏi: (1) Bạn hãy đánh giá mức độ cần thiết của các biện pháp tiếp cận LSĐP qua DSVH cho HS THPT trên địa bàn tỉnh Bến Tre?; (2) Bạn hãy đánh giá mức độ khả thi của các biện pháp tiếp cận LSĐP qua DSVH cho HS THPT trên địa bàn tỉnh Bến Tre?. Sau khi nhận được kết quả, tiến hành phân tích, xử lí số liệu trên bảng thống kê, tính ĐLC và ĐTB của các biện pháp đã được khảo sát, sau đó nhận xét, đánh giá và rút ra kết luận.

Bảng 2. Tính cần thiết và khả thi của các biện pháp tiếp cận LSĐP qua DSVH

TT	Giải pháp	Tính cần thiết		Tính khả thi	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Tổ chức cho HS tham quan, học tập tại các DSVH ở địa phương	1,57	0,517	1,64	0,568
2	Tổ chức các cuộc thi thiết kế Video, Infographic, Báo tường,... về các DSVH ở địa phương	1,77	0,550	1,72	0,504
3	Tổ chức Hội diễn văn nghệ, sân khấu hóa các sự kiện, nhân vật lịch sử gắn với các Di tích lịch sử - văn hóa ở địa phương	1,69	0,529	1,71	0,552
4	Lồng ghép giáo dục DSVH vào các hoạt động học tập ngoại khóa của HS	1,61	0,551	1,68	0,542
5	Tích hợp giáo dục DSVH cho HS qua các môn xã hội (môn Ngữ văn, môn Lịch sử,...)	1,66	0,590	1,66	0,549
<b>ĐTB chung và ĐLC</b>		<b>1,66</b>	<b>0,547</b>	<b>1,68</b>	<b>0,543</b>

Kết quả số liệu ở bảng 2 cho thấy, HS đánh giá các biện pháp tiếp cận LSĐP qua DSVH cho HS THPT trên địa bàn tỉnh Bến Tre ở mức độ “Cần thiết” (ĐTB=1,66) và “Khả thi” (ĐTB=1,68). Tất cả các biện pháp đều được HS đánh giá ở mức độ “Cần thiết” và “Khả thi” (ĐTB dao động từ 1,50 đến 2,49). Mặc dù những HS tham gia khảo nghiệm có cách đánh giá khác nhau nhưng ĐLC của các biện pháp đều nằm ở mức thấp (ĐLC=0,547; ĐLC=0,543), điều này chứng minh rằng đa số lượt ý kiến đánh giá đều thống nhất cả năm biện pháp đề xuất là có tính cần thiết và khả thi.

Như vậy, kết quả nghiên cứu trên đã khẳng định được tính cần thiết và tính khả thi của từng biện pháp giúp HS tiếp cận LSĐP qua DSVH. Tuy nhiên, sự chênh lệch giữa tính cần thiết và tính khả thi có thể dẫn đến tương quan thuận hoặc tương quan nghịch về mối quan hệ giữa các biện pháp. Vì vậy, việc tìm ra sự tương quan giữa tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp là một yêu cầu cho cả góc độ khoa học và cả việc áp dụng kết quả nghiên cứu.

Nhóm tác giả tiến hành đánh giá về mối quan hệ giữa tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp thông qua việc thực hiện phân tích tương quan Pearson trên SPSS 26 như bảng sau:

Bảng 3. Tương quan giữa tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp

Các giải pháp	Tương quan	Tính cần thiết	Tính khả thi
Tính cần thiết	Pearson Correlation	1	<b>0,608**</b>
	Sig. (2-tailed)		<b>0,000</b>
	N	370	370
Tính khả thi	Pearson Correlation	<b>0,608**</b>	1
	Sig. (2-tailed)	<b>0,000</b>	
	N	370	370

\*\* Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

Kết quả bảng 3 cho thấy, với hệ số tương quan  $R=0,608$  (nằm trong khoảng từ 0,05 đến 1 có mối quan hệ tương quan mạnh) cho thấy giữa tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp có tính tương quan thuận và chặt chẽ, nghĩa là các biện pháp được nhóm tác giả đề xuất vừa cần thiết lại vừa khả thi. Với  $Sig.=0,000$  ( $<0,05$ ) và tương quan có ý nghĩa ở mức 0,01 cho biết rằng giữa tính cần thiết và tính khả thi có sự tương quan tuyến tính ở mức tin cậy đến 99%. Như vậy, tuy mỗi biện pháp có vai trò riêng nhưng chúng lại có mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhau, bổ sung cho nhau, giúp cho HS tiếp cận được LSĐP qua DSVH đạt hiệu quả cao hơn.

### 2.5. Thực nghiệm các biện pháp tiếp cận lịch sử địa phương qua di sản văn hóa cho học sinh trung học phổ thông tỉnh Bến Tre

Nhóm tác giả xây dựng phiếu trưng cầu ý kiến cho nhóm thực nghiệm (TN) và nhóm đối chứng (ĐC) (mỗi nhóm 45 HS) và tiến hành khảo sát ở thời điểm trước và sau TN. Phiếu có 02 câu hỏi: (1) Suy nghĩ của bạn về “Tầm quan trọng” của các biện pháp tiếp cận LSĐP qua DSVH cho HS THPT tỉnh Bến Tre?; (2) Suy nghĩ của bạn về “Mức độ thực hiện” các biện pháp tiếp cận LSĐP qua DSVH cho HS THPT trên địa bàn tỉnh Bến Tre?

Paired-Sample T-Test và One-Sample T-Test được thực hiện để kiểm tra xem có sự khác biệt hay không giữa nhóm ĐC và nhóm TN trong việc HS đánh giá về “Tầm quan trọng” và “Mức độ thực hiện” của các biện pháp trước và sau TN.

#### 2.5.1. Kết quả thực nghiệm đánh giá về tầm quan trọng của các biện pháp tiếp cận LSĐP qua DSVH

Bảng 4. Đánh giá tầm quan trọng của biện pháp giữa hai nhóm trước và sau TN

	Nhóm	ĐTB	ĐLC	Std. Error Mean	Sig. (2-tailed)
Trước TN	TN	2,40	0,589	0,088	0,106
	ĐC	2,22	0,529	0,079	
Sau TN	TN	2,84	0,307	0,046	0,000
	ĐC	2,27	0,556	0,079	

Bảng 4 cho thấy, kết quả kiểm định trung bình trước TN giữa nhóm TN và nhóm ĐC với Sig.=0,106 (>0,05) nghĩa là không có sự khác biệt ý nghĩa về trung bình của hai nhóm. Kết quả kiểm định trung bình sau TN giữa nhóm TN và nhóm ĐC với Sig.=0,000 (<0,05) nghĩa là có sự khác biệt ý nghĩa thống kê trung bình giữa hai nhóm. Điều này chứng minh rằng có sự khác biệt giữa nhóm TN và nhóm ĐC sau TN về mức đánh giá chung đối với “*Tâm quan trọng*” của việc thực hiện các biện pháp. Giá trị trung bình của nhóm TN cao hơn nhóm ĐC, cụ thể là ĐTB sau TN ở nhóm TN (ĐTB=2,84) cao hơn nhóm ĐC (ĐTB=2,27) chứng tỏ đánh giá của HS tăng lên sau khi TN biện pháp.

Bảng 5. Đánh giá tâm quan trọng các biện pháp của nhóm ĐC trước và sau TN

Test Value=2,22						
Nhóm ĐC sau TN	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
					Lower	Upper
	0,630	44	0,532	0,05222	-0,1148	0,2193

Theo bảng 4, kết quả của nhóm ĐC giữa hai lần đo có sự chênh lệch (ĐTB=2,22; ĐTB=2,27). Tuy nhiên, kiểm định One-Sample T Test ở bảng 5 với Sig.=0,532 (> 0,05) cho thấy sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê, nghĩa là nhóm ĐC qua hai lần đo không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê.

Bảng 6. Đánh giá tâm quan trọng các biện pháp của nhóm TN trước và sau TN

Test Value=2,40						
Nhóm TN sau TN	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
					Lower	Upper
	9,695	44	0,000	0,44444	0,3521	0,5368

Bảng 6 cho thấy, so sánh kết quả của nhóm TN giữa hai lần đo (trước và sau TN) bằng phép kiểm One-Sample T Test (so sánh kết quả khảo sát nhóm TN trong lần đo thứ hai với Test Value là kết quả khảo sát nhóm TN trong lần đo thứ nhất) cho thấy có sự khác biệt ý nghĩa giữa hai lần đo với Sig.=0,000 (<0,05), cụ thể là trung bình mức đánh giá của HS về “*Tâm quan trọng*” của các biện pháp sau TN là cao hơn những đánh giá của họ trước TN (ĐTB=2,40; ĐTB=2,84).

Như vậy, kết quả TN cho thấy HS đánh giá “*Tâm quan trọng*” của các biện pháp đã có sự thay đổi từ mức độ “*Phân vân*” (ĐTB=2,40) trước TN sang mức độ “*Rất đồng ý*” (ĐTB=2,84) sau TN ở nhóm TN, còn nhóm ĐC thì không có sự thay đổi.

2.5.2. Kết quả thực nghiệm đánh về mức độ thực hiện của các biện pháp tiếp cận lịch sử địa phương qua di sản văn hoá

Bảng 7. Đánh giá mức độ thực hiện của biện pháp giữa hai nhóm trước và sau TN

	Nhóm	ĐTB	ĐLC	Std. Error Mean	Sig. (2-tailed)
Trước TN	TN	2,32	0,524	0,078	0,163
	ĐC	2,16	0,503	0,075	
Sau TN	TN	2,68	0,418	0,062	0,006
	ĐC	2,22	0,537	0,080	

Bảng 7 cho thấy, kết quả kiểm định trung bình trước TN giữa nhóm ĐC và nhóm TN với Sig.=0,163 (>0,05) chứng tỏ ĐTB giữa hai nhóm không có sự khác biệt ý nghĩa. Tuy nhiên, kết quả kiểm định trung bình sau TN giữa nhóm ĐC và nhóm TN với Sig.=0,006 (<0,05) nghĩa là có sự khác biệt ý nghĩa thống kê trung bình giữa hai nhóm. Đánh giá của HS về “*Mức độ thực hiện*” các biện pháp có sự thay đổi sau TN. Giá trị trung bình của nhóm TN cao hơn nhóm ĐC, cụ thể là ĐTB sau TN ở nhóm TN (ĐTB=2,68) cao hơn nhóm ĐC (ĐTB=2,22) chứng tỏ đánh giá của HS tăng lên sau TN.

Bảng 8. Đánh giá “*Mức độ quan trọng*” các biện pháp của nhóm ĐC trước và sau TN

Test Value=2,16						
Nhóm ĐC sau TN	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
					Lower	Upper
	0,721	44	0,475	0,05778	-0,1037	0,2192

Theo bảng 7, kết quả của nhóm ĐC giữa hai lần đo có sự chênh lệch (ĐTB=2,16; ĐTB=2,22). Tuy nhiên, kiểm định One-Sample T Test ở bảng 8 với Sig.=0,475 (>0,05) cho thấy sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê, nghĩa là nhóm ĐC qua hai lần đo không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê.

Bảng 9 so sánh kết quả của nhóm TN giữa hai lần đo (trước và sau TN) bằng phép kiểm One-Sample T Test (so sánh kết quả khảo sát nhóm TN trong lần đo thứ hai với Test Value là kết quả khảo sát nhóm TN trong lần đo thứ nhất) cho thấy có sự khác biệt ý nghĩa giữa hai lần đo với Sig.=0,000 (<0,05), cụ thể là trung bình mức đánh giá của HS về “*Mức độ thực hiện*” của các biện pháp sau TN là cao hơn những đánh giá của họ trước TN (ĐTB=2,32; ĐTB=2,68).

Bảng 9. Đánh giá mức độ thực hiện các biện pháp của nhóm TN trước và sau TN

Test Value = 2,32						
Nhóm TN sau TN	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
					Lower	Upper
	5,768	44	0,000	0,36000	0,2342	0,4858

Như vậy, kết quả TN cho thấy HS đánh giá “Mức độ thực hiện” của các biện pháp đã có sự thay đổi từ mức độ “Bình thường” (ĐTB=2,32) trước TN sang mức độ “Rất tốt” (ĐTB=2,68) sau TN ở nhóm TN, còn nhóm ĐC thì không có sự thay đổi.

### 3. Kết luận

Trong thời đại ngày nay, DSVH ở địa phương không chỉ là nguồn kiến thức quý giá trong dạy học ở nhà trường mà còn có giá trị giáo dục rất lớn. Việc giáo dục LSP qua DSVH góp phần quan trọng trong việc thực hiện nguyên lý giáo dục “học đi đôi với hành”, “lí luận gắn với thực tiễn”. Qua khảo sát thực trạng về mức độ tiếp cận cũng như nhận thức về DSVH và tiếp cận LSP qua DSVH của HS THPT, nhóm tác giả thu được kết quả như sau: Thứ nhất, nhìn chung, nhận thức của HS về DSVH cho thấy chưa nhận biết được nhiều DSVH do các em chưa được thường xuyên tiếp cận trong quá trình học tập; Thứ hai, hoạt động giáo dục LSP qua DSVH ở một số trường phổ thông trên địa bàn tỉnh còn nhiều hạn chế, chưa thật sự được quan tâm đúng mức; Thứ ba, kết quả khảo nghiệm đánh giá cao tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp. Bên cạnh đó, kết quả TN cũng đã khẳng định được hiệu quả của các biện pháp. Kết quả TN là cơ sở khoa học và cơ sở thực tiễn quan trọng để các trường THPT trên địa bàn tỉnh Bến Tre có thể áp dụng các biện pháp này trong thực tiễn.

#### Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2013). *Công văn số 73/HD-BGDĐT-BVHTTDL ngày 16/01/2013 về việc Hướng dẫn sử dụng di sản văn hóa trong dạy học ở trường phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên*.
- Bộ Văn hoá Thông tin (2009). *Luật Di sản văn hóa năm 2002, sửa đổi và bổ sung năm 2009*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Đại Khải (2018). *Dạy học Chương trình Lịch sử địa phương - Lồng ghép trong mối quan hệ biện chứng*. <https://tuyensinh.tvu.edu.vn/vi/news/tin-giao-duc/day-hoc-chuong-trinh-lich-su-dia-phuong-long-ghiep-trong-moi-quan-he-bien-chung-1964.html>
- Dương Quỳnh Phương, Đỗ Văn Hào (2019). Di sản và vấn đề giáo dục di sản cho học sinh trung học phổ thông. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ*, 55, 68-73.
- Huỳnh Mộng Tuyền (2020). Mô hình hoạt động trải nghiệm giáo dục lịch sử địa phương cho học sinh ở trường tiểu học. *Tạp chí Giáo dục*, 483, 22-26.
- Lê Minh Quốc (2020). *Người Bến Tre*. NXB Trẻ - TP. Hồ Chí Minh.
- Lư Hội (2009). *Di sản văn hóa Bến Tre*. NXB Văn hóa Dân tộc.
- Nguyễn Chí Bền (2014). *Văn hóa Bến Tre*. NXB Khoa học Xã hội.
- Nguyễn Đức Toàn (2018). Tích hợp giáo dục ý thức bảo tồn di sản văn hóa tại địa phương trong dạy học lịch sử Việt Nam ở các trường trung học phổ thông Thành phố Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ*, 54(3C), 201-208.
- Nguyễn Quang Trị (2023). *Văn hóa Bến Tre những góc nhìn*. NXB Hội nhà văn.
- Nguyễn Thị Vân (2018). *Sử dụng di sản văn hóa tại địa phương trong dạy học Lịch sử Việt Nam ở trường trung học phổ thông tỉnh Thanh Hóa*. Luận án tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử và phương pháp dạy học Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Phạm Văn Mạo (2017). Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh trong dạy học lịch sử địa phương. *Tạp chí Giáo dục*, 411, 11-13.
- Thạch Phương, Đoàn Tứ (chủ biên, 2001). *Địa chí Bến Tre*. NXB Khoa học Xã hội.
- Văn phòng Quốc hội (2013). *Luật Di sản văn hóa*. Luật số 10/VBHN-VPQH, ban hành ngày 23/7/2013.